

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Thanh Tâm;

+ Ông Lương Tấn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 327/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Công T, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:**

- *Quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện T (Nay là UBND xã S, huyện T), tỉnh Phú Yên. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài, hai bên tự sống xa nhau từ đầu năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, bà H xin được ly hôn ông T.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Bùi Công T1, sinh ngày 17/5/1988, Bùi Thị H1, sinh ngày 20/10/1990. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn Bùi Công T trình bày:** Bà **H**, ông **T** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã S** vào năm 1987. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, đã tự sống riêng từ năm 2022. Nay, bà **H** xin ly hôn, ông **T** thống nhất ly hôn. Thống nhất có 02 con chung, đã trưởng thành, không yêu cầu gì. Thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản.

Bị đơn **Bùi Công T** có lời trình bày như trên nhưng không tham gia các buổi hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Nguyễn Thị H**, ông **Bùi Công T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Khánh** (Nay là **UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên**) vào tháng 9/1987 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đã được gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn kéo dài, bà **H**, ông **T** tự xa nhau từ đầu năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Bà **H** xin ly hôn, ông **T** thống nhất ly hôn.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà **H**, ông **T** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là **Bùi Công T1**, sinh ngày 17/5/1988, **Bùi Thị H1**, sinh ngày 20/10/1990. Các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Bà **Nguyễn Thị H** thống nhất tự chịu toàn bộ án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của bà **H**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Công T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0012163 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND H. Tây Hòa;
 - Cục THADS H. Tây Hòa;
 - UBND xã S
- (GDKKH số 51, tháng 9/1987);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ